

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2018

V/v: “ *Tranh chấp hôn nhân
và gia đình - xin ly hôn,
quyền nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi.

2. Bà Dư Mỹ Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2017/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thanh T– Sinh năm: 1985(Có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện C, thành phố C.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1981(Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn anh Trần Thanh T trình bày: Anh và chị L tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố C chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới nhau về chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi nhau, kể cả những việc nhỏ nhặt. Cũng chính vì nguyên nhân trên mà anh và chị L đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 03 năm 2013. Kể từ thời điểm trên thì chúng tôi không còn gặp nhau cũng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Quá trình chung sống, anh và chị L có với nhau một con chung tên Trần Hoàng Thảo U – Sinh ngày: 20/9/2010, hiện con đang sống với anh T. Anh yêu cầu được quyền

tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2018, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị xác định anh T trình bày về hôn nhân, con chung là đúng. Nhưng chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh T trình bày là chưa đầy đủ. Bản thân anh T có đánh chị. Chị và anh T đã tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả, nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị đồng ý. Về con chung, chị L đồng ý giao con Trần Hoàng Thảo U cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị đồng ý không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung, chị L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Anh T và chị L đã ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Khoảng thời gian rất dài nhưng anh chị không tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị L.

+ Về con chị L có ý kiến đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cháu U cho anh T nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng nhưng có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ cháu U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Anh T khởi kiện xin ly hôn với chị L và yêu cầu được quyền nuôi con nên đây được xem là tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 01 – Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chị L có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Chị Nguyễn Thị L với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt hợp lệ hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị L xác định bận đi làm ở xa không về được nên có đơn xin vắng mặt tại Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng chị L là hoàn toàn phù hợp với qui định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị L được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố C chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Anh T và chị L cùng xác định quá trình chung sống, anh chị thường xảy ra xung đột do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hằng ngày nên anh chị đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2013 cho đến nay. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định : “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau ; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.....” Nhưng anh chị đã không sống chung với nhau

trong một khoảng thời gian dài và cũng không hề quan tâm lẫn nhau bỏ mặc cho hôn nhân của anh chị ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. Vì vậy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, anh T yêu cầu được ly hôn với chị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 01 – Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc khác, chị L cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với anh T. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T và chị L được ly hôn.

Về con chung, anh T và chị L cùng xác định anh chị L có với nhau một con chung tên Trần Hoàng Thảo U – Sinh ngày: 20/9/2010, hiện con đang sống với anh T. Anh T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của anh T thấy rằng hiện cháu L đang sống với anh T và tại biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2018 cháu U có ý kiến được tiếp tục sống với anh T. Từ đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu U cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, bản thân anh T làm nghề trang trí nội thất có mức thu nhập ổn định, đảm bảo việc nuôi dạy cháu U. Và trong khoảng thời gian anh chị không chung sống cùng nhau, cháu U sống với anh Tâm, cháu phát triển tốt. Nên anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng là có căn cứ, cần chấp nhận. Chị L có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2327 ngày 18/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 – Điều 28, khoản 01 – Điều 35, điểm a – khoản 01 – Điều 39, khoản 4- Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Căn cứ vào khoản 01 – Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Trần Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Hoàng Thảo U – Sinh ngày: 20/09/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung.

3. Về án phí: Buộc anh T nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 8453 ngày 22/12/7 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, anh T được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/5/2018). Chị L được tính kể từ ngày nhận được cấp tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**